

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày 20-3-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Phạm Văn Kho

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt là VP Bank)

Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L; địa chỉ: Số 16A/119 đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 11 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn G, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Văn G có ký kết Hợp đồng tín dụng số 20150303-133021-0002 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vào ngày 08/02/2015 để vay Ngân hàng số tiền gốc là 30.450.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 30 tháng; lãi suất 3,75%/tháng (45.00%/1 năm).

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền cho ông G theo đúng thỏa thuận. Ông G đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng. Từ thời điểm Ngân hàng giải ngân đến nay, ông G đã trả được số tiền là 11.956.000 đồng (bao gồm: tiền gốc 4.437.627 đồng, tiền lãi 7.518.373 đồng). Kể từ ngày 30/01/2016, ông Đặng Văn G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo thỏa thuận hai bên đã cam kết trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 05/9/2017, ông Đặng Văn G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 39.277.000 đồng (nợ gốc 26.012.373 đồng, nợ lãi 13.264.627 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu: Ông Đặng Văn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/9/2017 là 39.277.000 đồng; cụ thể: Nợ gốc 26.012.373 đồng, nợ lãi 13.264.627 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không tính khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc của ông Đặng Văn G kể từ ngày 05/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng ông G phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc từ sau khi tuyên bản án sơ thẩm đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Quan điểm của bị đơn: Ông Đặng Văn G đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116; 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 05/9/2017 theo Hợp đồng tín dụng số 20150303-133021-0002 ký ngày 08/02/2015 là 39.277.000 đồng; trong đó: Nợ gốc 26.012.373 đồng, nợ lãi 13.264.627 đồng; bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc nói trên kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng; về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện K nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Đặng Văn G là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 08/02/2015, ông Đặng Văn G ký kết Hợp đồng tín dụng số 20150303-133021-0002 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T, do ông Bạch Thái V - Trưởng phòng quản lý hồ sơ là đại diện theo ủy quyền ký kết. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho ông G vay 30.450.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 30 tháng.

[4] Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước). Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn thực hiện đúng hợp đồng, đã thực hiện giải ngân cho bị đơn vay số tiền nợ gốc là 30.450.000 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 5 Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4, Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 04/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm hiện nay là 11.956.000 đồng, trong đó: Nợ gốc đã trả 4.437.627 đồng, nợ lãi đã trả 7.518.373 đồng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết là nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết của bị đơn, tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử (20/3/2018). Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc 26.012.373 đồng của nguyên đơn.

[6] Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Tính đến ngày 05/9/2017 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 13.264.627 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[7] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 20150303-133021-0002 ngày 08/02/2015 hai bên đã ký kết.

- Về án phí:

[8] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[9] Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và

được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116; 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 326/2016/YBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, về điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đặng văn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam V tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 20150303-133021-0002 tính đến ngày 08/02/2015 là 39.277.000đ (ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); cụ thể: Nợ gốc 26.012.373 đồng, nợ lãi 13.264.627 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí

Ông Đặng Văn G phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.963.850đ (một triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 981.925đ (chín trăm tám mươi một nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001856 ngày 28/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Ngân hàng TMCP Việt Nam T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Đặng Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang

